

Cần minh định lại hai khái niệm :

"Lòng thương nước" và "chủ nghĩa yêu nước"

Tôn Thất Thiện

Những tháng trước Đại Hội VIII của Đảng Cộng Sản Việt Nam nhiều người Việt ưu tư về tương lai của đất nước hy vọng rằng trong hàng ngũ của đảng đó có người, vì còn ít nhiều lòng thương nước thực sự, có thể thức tỉnh và, nhân dịp này, sẽ ra sức tranh đấu cho một chính sách mới phóng khoáng hơn, mở đường cho một sự đối thoại bình đẳng và thẳng thắn giữa những người trong và ngoài nước, trong và ngoài Đảng, để vạch ra một đường hướng mới có khả năng đưa nước nhà vào quỹ đạo của một cuộc canh tân và dân chủ hóa thực sự mà khỏi gây bạo động hoặc xáo trộn đời sống của dân chúng.

Nhưng các đại biểu tham dự đại hội nói trên đã nhút nhát, ngoan ngoãn làm theo ý muốn của nhóm lãnh đạo phản động và thông qua một cương lĩnh sắc mùi Mác-Lê lạc hậu, bất khả thi. Những đại biểu đó cho rằng mình dương tay tán thành những đường lối, chính sách, biện pháp do Bộ Chính Trị đề nghị là biểu hiện tinh thần "yêu nước". Đến ngày nay, họ vẫn quan niệm "yêu nước" đồng nghĩa với "yêu chủ nghĩa xã hội".

Tinh thần yêu nước "chân chính"

Là một người sinh trưởng ở Huế, thuộc thế hệ 1920-1930, tôi không quen với từ ngữ "yêu nước". Nó là một từ ngữ khá lạ tai đối với tôi, và chỉ trong thời gian gần đây, qua sự nghiên cứu và trích dẫn những văn kiện cộng sản, tôi mới dùng đến nó. Còn những danh từ "chủ nghĩa yêu nước" và "tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa" thì đối với tôi không những lạ, mà còn rất chướng tai.

Từ lúc nhỏ cho đến lúc trưởng thành, tôi chỉ được nghe những người quanh tôi nói đến "lòng thương nước". Đó là một tình cảm phổ biến trong dân gian. Riêng khi nói về những nhà cách mạng đáng kính - như các cụ Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng - thì những người xứ Huế dùng từ ngữ "nhà ái quốc". Họ coi "thương nước" / "ái quốc" là một hiện tượng thuộc về lãnh vực tình cảm, lãnh vực "lòng", phổ cập trong mọi giới người Việt. Thương nước là một chuyện của lòng mình, thuộc lãnh vực tinh thần. Vì vậy mới có cụm từ "lòng

thương nước" và "tinh thần ái quốc". Đã là tình cảm thì không có chuyện tính toán lợi hại, khôn dại. Cũng không có chuyện lý luận, lô-gích, dùng trí tuệ để phân tách đúng sai. Cho nên cũng dễ bị lường gạt và lợi dụng.

Khi tôi đề cập đến liên hệ giữa từ ngữ "thương nước" và xứ Huế, tôi chỉ muốn nói đến một kinh nghiệm riêng. Nhưng thật ra thì những từ ngữ "thương nước", "lòng thương nước", "tinh thần ái quốc" cũng rất phổ biến trong nước. Cho nên chúng ta không lạ gì thấy ông Hồ vẫn còn vướng mắc những từ ngữ đó nhân dịp ông chính thức hóa một từ ngữ và một khái niệm mới, khái niệm "yêu nước chân chính".

Từ ngữ này xuất hiện vào dịp Đảng Cộng Sản Việt Nam xuất hiện công khai trở lại, tháng 2-1951, dưới ngụy danh là Đảng Lao Động Việt Nam, vào dịp Đại Hội II của Đảng. Đây là dịp ông Hồ tuyên bố Đảng Lao Động (Cộng Sản) Việt Nam là "một thành phần khảng khái của phe dân chủ thế giới do Liên Xô vĩ đại "cầm đầu". Và đặc biệt hơn, đây là dịp ông ta và ĐCSVN tung ra khái niệm "yêu nước chân chính" - một khái niệm lê-ni-nít then chốt - và sau đó bỏ tước nó vào năm 1959, trong đợt "cải tạo xã hội chủ nghĩa", với những từ ngữ "chủ nghĩa yêu nước", "yêu nước xã hội chủ nghĩa".

Từ một vấn đề tình cảm, tự phát từ trong lòng mỗi người qua cảm ứng với phong cảnh quê hương - sông núi, nước non, "non sơn gấm vóc", "sơn thủy hữu tình", nhân quần quanh mình, thân nhân, bạn bè, bà con, làng xóm, đồng hương - thương nước, qua từ ngữ "chủ nghĩa yêu nước", bị biến thành một đề tài tranh luận, một chuyện ý thức hệ, mưu toan xảo quyệt, tính toán lưu manh - cho Đảng, cho Đệ Tam Quốc Tế, cho "Cách mạng thế giới" - với những lập luận và từ ngữ khó nghe.

Mưu toan của ông Hồ và nhóm lãnh tụ cộng sản đồ đệ của ông khi đưa ra quan niệm "yêu nước chân chính" là dùng tiêu chuẩn lê-ni-nít này để phủ nhận tính cách thương nước của những nhà cách mạng Việt Nam trước thời cộng sản, và thanh toán tất cả những người Việt thương nước

nhưng không có "tinh thần yêu nước chân chính", nghĩa là theo kiểu cộng sản, đang và sẽ chống đối họ.

"Chân chính" = "quốc tế vô sản"

Ông Hồ định nghĩa tinh thần "yêu nước chân chính" là "khác hẳn với tinh thần "vị quốc" của bọn đế quốc và phản động" - nghĩa là Pháp, Mỹ và những người Việt Nam không chấp nhận cộng sản. Những người nhóm thứ nhứt sẽ được gán thêm tính cách "kẻ thù số một của nhân loại" và những người thuộc nhóm thứ hai sẽ được liệt vào hàng ngũ "Việt gian" mà những người Việt tranh đấu cho độc lập phải triệt để thù ghét, thanh toán, thanh toán tự do và coi hành động như vậy là hành động "yêu nước", đáng tự hào và đáng được tán thưởng. Nhân danh gì? Ông Hồ nói rõ: tinh thần yêu nước "chân chính" là "một bộ phận của tinh thần quốc tế vô sản". Nghĩa là người Việt Nam muốn cho sự yêu nước của mình được công nhận là "chân chính" thì phải yêu luôn quốc tế vô sản. Khái niệm này sẽ đưa người Việt đi sâu vào quỹ đạo cộng sản. Điểm này sẽ được đề cập đến vào giai đoạn sau.

Ở đây ta cần nói đến sự lúng túng của ông Hồ với những khái niệm cổ truyền về "thương nước" và "ái quốc". Nếu ta xét kỹ những tuyên bố, diễn văn, v.v... của ông ta từ tháng 9-1945, lúc ông ra mắt đồng bào Việt Nam, cho đến tháng 9-1969, lúc ông đi quy tụ với các "cụ" (Mác-Lênin-Stalin-Mao...) thì ta thấy trước năm 1949, nghĩa là trước khi có sự yểm trợ quy mô của Trung Cộng, và chưa biết thắng bại thế nào, ông dùng lẫn lộn những từ ngữ: "lòng yêu nước", "người yêu nước", "lòng ái quốc", "người ái quốc".

Từ đầu năm 1949, ông Hồ bắt đầu dùng những từ ngữ: "tinh thần yêu nước", "tiếng nói yêu nước", "cuộc khởi nghĩa yêu nước", "những người Việt Nam yêu nước", dùng "yêu nước" với tác dụng là tính từ tuy rằng, như vậy, rất lúng túng, chướng tai: *tiếng nói* và *cuộc khởi nghĩa yêu nước*! Những từ ngữ "lòng ái quốc", "người ái quốc" biến mất.

Đồng thời, khẩu hiệu mới, hay đúng hơn, được công khai đưa ra lại là: "Đảng

Cộng Sản Đông Dương muôn năm" và cách mạng thế giới muôn năm", và Việt Nam có thêm nhiệm vụ "giúp sức vào công việc giải phóng Đông nam Á".

Tháng 2-1951, lúc ĐCSVN tái xuất dưới danh nghĩa "Đảng Lao Động Việt Nam", như đã nói trên, ông Hồ tung ra cụm từ và khái niệm "yêu nước chân chính". Và cũng nhân dịp này ông công bố Liên Xô là "Tổ quốc xã hội chủ nghĩa"; đồng thời Việt Nam chính thức trở nên "tiền đồn của xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á".

Năm 1959, ông Hồ tung ra từ ngữ mới: "chủ nghĩa yêu nước". Yêu nước bây giờ không còn là một cảm tình, không thuộc về lãnh vực tình cảm, không là một cái gì tự phát và phổ cập trong dân chúng Việt Nam nữa, mà thành một "chủ nghĩa" thuộc lãnh vực ý thức hệ, thành một khí cụ đấu tranh của một đảng chính trị, qua tính toán lợi hại, qua tính toán lợi hại đúng về phương diện quyền lợi, thế lực của Đảng, của Đệ Tam Quốc Tế và "Cách mạng thế giới".

Ông Hồ không ngừng nhắc đề đề rằng "tinh thần yêu nước chân chính" phải "gắn liền với tinh thần quốc tế vô sản". Là người yêu nước chân chính, đảng viên cộng sản phải có tinh thần vô sản quốc tế cao, và cụ thể, phải làm "nghĩa vụ quốc tế", và lấy đó là "vinh quang". Cuộc đấu tranh của họ, như Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản giải thích, "dù về mặt nội dung không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc". Điểm này được ghi lại là một trong những nghị quyết lớn của ĐCSVN trong những năm 1930.

Ông Hồ nhắc nhở đảng viên, cán bộ rằng "tiêu chuẩn số một của một người cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng" [theo nghĩa của Lênin và ông Hồ: đó là cách mạng quốc tế]. Và, trong chiều hướng này, ông đã nhắc nhở đảng viên, cán bộ, và nhứt là quân nhân đảng viên: "Trung với Đảng, hiếu với dân". Trong khẩu hiệu này, "Nước" biến mất. Theo văn hóa truyền thống Việt Nam, Vua và Nước đồng nghĩa, Vua được coi như hiện thân của Nước, cho nên khi ông Hồ và đề đề của ông tuyên bố "Trung với Đảng, hiếu với dân", họ tự phong là Vua Nước Việt Nam. Khẩu hiệu "Trung Quân Ái Quốc bị thay thế bằng khẩu hiệu "Trung với Đảng, hiếu với dân", vì nay Đảng là Vua, Đảng là Nước.

Điều trên đây sẽ được thể chế hóa trong điều 4 của Hiến Pháp Việt Nam năm

1992. Nó có hai hậu quả lớn. Một là: trong thời gian Liên Xô chưa sụp đổ, vì yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, và Tổ Quốc của những người xã hội chủ nghĩa là Liên Xô, nên ông Hồ và đề đề của ông buộc người dân Việt phải lấy Liên Xô làm Tổ Quốc. Hai là: quân đội Việt Nam, vì phải trung với Đảng, nay Đảng là Vua, nên sứ mạng chính yếu của họ là bảo vệ Đảng, và tuân theo lệnh của Đảng đàn áp, tiêu diệt những công dân Việt mà lãnh đạo Đảng lên án là phản cách mạng, chống Đảng. Theo Hiến Pháp hiện nay của Việt Nam, đối với quân đội Việt Nam, chống Đảng là phạm trọng tội, là phản quốc, vì chống Đảng là như ngày xưa: chống lại Triều Đình là phạm trọng tội, đáng bị tử hình và tru di tam tộc.

Từ Phạm Văn Đồng đến Lê Duẩn.

Điều vừa nêu trên đây được ông Phạm Văn Đồng, là một đề đề thân tín hạng nhứt của ông Hồ, ủy viên Bộ Chính Trị và Thủ Tướng trong hơn 30 năm trời, giải thích trước khi ông Hồ phát động cuộc "cải tạo xã hội" đại quy mô năm 1959. Trong bài "Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội", đăng trong *Tạp Chí Cộng Sản* tháng 8-1958 và được đăng lại năm 1985 trong sách *Những chặng đường thắng lợi về vang* (Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1985), ông ta đưa ra những luận đề sau đây:

- "Chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân hoàn toàn hòa hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản".

- "Yêu nước là xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội là yêu nước".

- "Yêu nước là tiếp thu chủ nghĩa xã hội".

- "Chủ nghĩa yêu nước phải tiến tới gặp chủ nghĩa xã hội, hòa mình với chủ nghĩa xã hội".

- "Chúng ta phải làm cho nhân dân miền Bắc, không những chỉ nhân dân lao động, mà mọi tầng lớp nhân dân cho đến người tư sản dân tộc, người nhân sĩ vì yêu nước mà thành thật tiếp thu chủ nghĩa xã hội, tán thành việc cải tạo nền kinh tế theo chủ nghĩa xã hội...".

Trong một tác phẩm khác (*Một số vấn đề nhà nước*, Hà Nội, Nxb Sự Thật, 1980), ông Đồng giải thích rằng ông Hồ là "hiện thân của chủ nghĩa quốc tế vô sản vô cùng trung thực và trong sáng", và con đường của Hồ Chí Minh là con đường "từ lòng yêu nước thiết tha đến với chủ nghĩa Mác-Lênin để trở thành chủ nghĩa yêu nước

thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản".

Qua những diễn tiến trên đây, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy ông tổng bí thư Lê Duẩn, nhân danh ĐCSVN, nhảy một bước vọt rất ngoạn mục chưa hề thấy trong lịch sử Việt Nam khi ông tuyên bố tại Đại Hội IV (1976) rằng "Ngày nay, Tổ Quốc ta đã hoàn toàn độc lập thì dân tộc ta và chủ nghĩa xã hội là một". Trung Ương Đảng lại nhảy một bước ngoạn mục hơn nữa và tuyên bố: "Ngày nay, nước nhà đã độc lập thì Tổ Quốc và chủ nghĩa xã hội là một".

Những điều trên đây có nghĩa là biết bao nhiêu ngàn, vạn, triệu người Việt Nam tranh đấu trong 30 năm với tin tưởng rằng như vậy là tranh đấu cho xứ sở độc lập, để mình lại có một Tổ Quốc và có quyền tự do thương Tổ Quốc đó, nhưng khi thành công rồi thì Tổ Quốc lại bị ĐCSVN tiêu diệt mất, và thay vào đó họ đưa ra một chủ nghĩa nhập cảng từ Liên Xô!

Cho nên chúng ta không ngạc nhiên lắm khi thấy từ ngay trong hàng ngũ ĐCSVN xuất hiện những người lên tiếng tố cáo lãnh tụ ĐCS đã lợi dụng lòng thương nước và sự hy sinh của họ để gây thế và lực cho Đảng thay vì phục vụ quyền lợi thực sự của Nước và Dân Việt Nam. Danh sách của những người này càng ngày càng dài. Tên tuổi của họ đã thành quen thuộc đối với chúng ta: Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Đỗ Trung Hiếu, Tiêu Dao Bảo Cự, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, v.v...

Những người này đã lên tiếng chống điều 4 của Hiến Pháp 1992 vì, theo điều này, yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là Tổ Quốc, ĐCS là hiện thân của chủ nghĩa xã hội nên ĐCSVN là Tổ Quốc, yêu Tổ Quốc là phải yêu đảng đó. Lại càng không thể nói rằng những người như Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, và bao nhiêu người khác đã hy sinh cả cuộc đời tranh đấu trong hàng ngũ ĐCS là phản quốc vì nay họ thức tỉnh và từ chối tiếp tục đi theo con đường mà nhóm lãnh đạo hiện tại của Đảng vạch ra, và, theo gương ông Hồ, trở thành "hiện thân của chủ nghĩa quốc tế vô sản vô cùng trung thực và trong sáng".

Nhưng về phía lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN vẫn không có thay đổi. "Trung với Đảng, hiếu với dân" vẫn là cái khung bao của Đại Hội VIII vừa qua. Động lực của những người điều khiển Đại Hội VIII

(Xem tiếp trang 16)